

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/DSST**

Ngày 09/3/2022

" V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Bửu và bà Phạm Thị Thơm;

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thê.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/3/2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 30/3/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 22/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2021/QĐST-DS ngày 11/10/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 136/2021/QĐST-DS ngày 10/11/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số: 09/2022/TB-TA ngày 22/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (Viết tắt: Ngân hàng A).

Trụ sở: Số 02 L, Quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tiết Văn Th - C/v: Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Trọng H - C/v: Phó giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – có mặt;

- *Bị đơn:*

Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1982 – vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Bình M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Ông Nguyễn Văn T (đã chết năm 2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T:

1. Bà Phạm Thị Ng (vợ ông T) – vắng mặt;

2. Cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 2003 (Con ông T bà Ng) – vắng mặt;

3. Cháu Nguyễn Hữu Ngh, sinh năm 2009 (Con ông T bà Ng) – vắng mặt;

4. Cháu Nguyễn Sinh H, sinh năm 2011 (Con ông T bà Ng) – vắng mặt;

5. Cháu Nguyễn Thị Th, sinh năm 2015 (Con ông T bà Ng) – vắng mặt;
Người đại diện hợp pháp của các cháu Nguyễn Hữu Ngh, Nguyễn Sinh H, và Nguyễn Thị Th: Bà Phạm Thị Ng (là mẹ đẻ của các cháu) – vắng mặt;
6. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H (Bố mẹ đẻ của ông T) – vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Thôn Bình M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Trương Văn Gi – có mặt;
Chị Hoàng Thị M – vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Thôn 09, xã Cư K, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23/8/2019, Ngân hàng A - Chi nhánh N có cho bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn T vay số tiền gốc 250.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ lãi 06 tháng một lần, kỳ hạn trả nợ gốc 03 kỳ, hạn trả gốc cuối cùng ngày 20/8/2022, lãi suất vay 12%/năm và thả nổi, lãi suất quá hạn 150%, mục đích vay chăm sóc cây trồng (Theo hợp đồng tín dụng số: 5308-LAV-201901133 ngày 23/8/2019). Khi làm thủ tục cho vay thì bà Ng và ông T có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc các thửa đất số 19 và 29, tờ bản đồ 77 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp giấy CNQSDĐ ngày 28/6/2018 đứng tên bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn T, tọa lạc tại: xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Theo hợp đồng thế chấp số: 241796366/2018/HĐTC ngày 15/8/2018), hợp đồng thế chấp đã được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng công chứng.

Đến hạn trả nợ bà Ng và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nhiều lần Ngân hàng đã đến nhà bà Ng và ông T để làm việc và tạo điều kiện bà Ng và ông T trả nợ nhưng vẫn không chịu trả và không hợp tác làm việc. Đến tháng 4 năm 2020, ông T chết đột tử, sau khi ông T chết thì bà Ng và các con của bà Ng cũng bỏ đi khỏi địa phương và không thông báo cho Ngân hàng biết.

Tại phiên tòa Ngân hàng A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật và Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Ng trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/3/2022 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 342.808.290 đồng; trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng; tổng tiền lãi 92.808.290 đồng; Trong đó lãi trong hạn 82.630.137 đồng; lãi quá hạn 1.718.493 đồng, lãi chậm trả 8.859.660 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn Gi trình bày: Vào năm 2012 (khi đó anh chưa có vợ) anh có mua mảnh đất rẫy của vợ chồng chị Phạm Thị Ng Ngọc với diện tích khoảng 1,7 héc ta, số tiền mua là 70.000.000 đồng, đã trả đủ tiền cho vợ chồng T Ng. Thời điểm mua thì đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ, khi mua có lập 01 giấy viết tay với nhau. Sau khi mua xong anh có trồng một số cây Điều, phần đất còn lại anh trồng hoa màu. Khi vợ chồng T Ng làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ thì anh không biết và khi vợ chồng T Ng làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng A chi nhánh N và thế chấp diện tích đất đã bán cho anh thì anh

cũng không biết. Anh cho rằng là anh không có liên quan gì đến việc vay vốn tại Ngân hàng A. Đồng thời do Ngân hàng đã rút đối với yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp nên anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật và đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T không đến tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải nhưng bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tú vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Đại diện nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tú là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ng có địa chỉ tại thôn Bình M, xã E, huyện C trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Do bị đơn; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 11/10/2021 HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Ngọc và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, đồng thời tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ theo điểm c khoản 1 Điều 259 của BTTTDS. Phiên tòa lần thứ 3 được mở lại khi căn cứ tạm ngừng phiên

tòa không còn nhưng bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ. Như vậy, bị đơn, người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông T tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] .Về nội dung:

2.1. Xét hợp đồng tín dụng số: 5308-LAV-201901133 ngày 23/8/2019 giữa Ngân hàng với bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn T để vay số tiền là 250.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ lãi 06 tháng một lần, kỳ hạn trả nợ gốc 03 kỳ, hạn trả gốc cuối cùng ngày 20/8/2022, lãi suất vay 12%/năm và thả nổi, lãi suất quá hạn 150%, mục đích vay để đầu tư chăm sóc cây trồng. Từ khi vay đến nay bà Ngọc và ông T chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi, như vậy bà Ng và ông T đã vi phạm hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Tính đến ngày 09 tháng 03 năm 2022 bà Ng và ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi là 342.808.290 đồng; trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng; tổng tiền lãi 92.808.290 đồng; Trong đó lãi trong hạn 82.630.137 đồng; lãi quá hạn 1.718.493 đồng, lãi chậm trả 8.859.660 đồng.

Ngày 24/04/2020, ông Nguyễn Văn T chết, đến thời hạn trả nợ bà Ng không trả khoản vay trên cho Ngân hàng. Ngân hàng đã khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa bố mẹ đẻ của ông T là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, vợ ông T là bà Phạm Thị Ng, các con của ông T là cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Hữu Ngh, sinh năm 2009; cháu Nguyễn Sinh H, sinh năm 2011; cháu Nguyễn Thị Th, sinh năm 2015 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T đã bỏ đi khỏi địa phương Tòa án không làm việc được nên HĐXX không có căn cứ để xác định được họ có quyền và nghĩa vụ đối với khoản vay này của ông T không. Tại phiên tòa bên nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Ng là bị đơn trả số tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Theo quy định tại Điều 288 của BLDS quy định: *“1. Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. 2. Trường hợp một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình...”* và phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân & gia đình. Việc ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà Ngọc trả số tiền trên là có căn cứ.

2.2. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 241796366/2018/HĐTC ngày 15/8/2018 đã được ký kết giữa bà Ng và ông T với Ngân hàng A - Về xử lý các tài sản đã thế chấp gồm: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp cho Hộ bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn T ngày 28/6/2018; Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 28/6/2018 đứng tên bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, tại phiên tòa bên nguyên đơn có đơn xin

rút yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp đối các thửa đất trên. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên cần chấp nhận.

2.3. Xét về lời trình bày của anh Trương Văn Gi: Vào năm 2012 anh có mua mảnh đất rẫy của vợ chồng chị Phạm Thị Ngọc Ng với diện tích khoảng 1,7 héc ta, số tiền mua là 70.000.000 đồng, đã trả đủ tiền cho vợ chồng T Ng. Thời điểm mua thì đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ, khi mua có lập 01 giấy viết tay với nhau. Anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, anh mong muốn được tiếp tục sử dụng đất đã mua của vợ chồng T Ng. Mặt khác, Ngân hàng đã rút yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX không xem xét ý kiến, yêu cầu của anh Trương Văn Gi. Trường hợp, nếu anh Gi có yêu cầu thì khởi kiện trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 342.808. 000 đồng (làm tròn) $\times 5\% = 17.140.000$ đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Phạm Thị Ng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Bên nguyên đơn nhận nộp toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 74; Điều 147; Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 288, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân & gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc bà Phạm Thị Ng phải trả Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/3/2022 là 342.808.000 đồng (làm tròn số); trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng; tổng tiền lãi 92.808.290 đồng; Trong đó lãi trong hạn 82.630.137 đồng; lãi quá hạn 1.718.493 đồng, lãi chậm trả 8.859.660 đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 10/3/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5308-LAV-201901133 ngày 23/8/2019 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp số

241796366/2018/HĐTC ngày 15/8/2018 đã được ký kết giữa bà Ng và ông T với Ngân hàng N.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Ng phải nộp 17.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng N số tiền án phí đã nộp 7.460.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003308 ngày 26/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Ngân hàng N nhận nộp toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền bên nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo biên lai thu ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN BÁ LUÂN

